

Thứ tư, ngày 4 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giao dịch phần khởi

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/11/2020		•	
Tuần 2/11-6/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng hồi phục được duy trì trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền tiếp tục chảy vào thị trường với 15/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản tăng mạnh trở lại, biên độ giao dịch nở rộng và độ rộng thị trường tích cực cho thấy tâm lý giao dịch hưng phấn đã trở lại thị trường. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HSX nhưng mua ròng tại sàn HNX. Thị trường đang phản ứng khá tích cực với tình hình tổng thống Trump đang thắng thế tại Hoa Kỳ.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_2.3%

Phân tích kỹ thuật: PWA_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +4.35 điểm, đóng cửa 939.76 điểm. HNX-Index +1.45 điểm, đóng cửa 140.03 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: GAS (+0.91); CTG(+0.42); BID(+0.40); HDB(+0.30); VRE(+0.26).
- Kéo chỉ số giảm: VIC(-0.86); PDR(-0.14); MWG(-0.05); HPG(-0.05); DHG(-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,134 tỷ đồng, +31.8% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 9.70 điểm, nở rộng so với phiên trước. Thị trường có 297 mã tăng, 70 mã tham chiếu và 119 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -639.08 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-202.2 tỷ), VRE (-100.0 tỷ) và MSN(-93.3 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 17.34 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **939.76**
Giá trị: 6134.14 tỷ **4.35 (0.47%)**
Khối ngoại (ròng): -639.08 tỷ

HNX-INDEX **140.03**
Giá trị: 592.05 tỷ **1.45 (1.05%)**
Khối ngoại (ròng): 17.34 tỷ

UPCOM-INDEX **63.50**
Giá trị: 0.27 tỷ **0.36 (0.57%)**
Khối ngoại (ròng): -5.49 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	37.8	0.42%
Giá vàng	1,894	-0.77%
Tỷ giá USD/VND	23,178	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,156	0.54%
Tỷ giá JPY/VND	22,079	-0.46%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	43.64%
LS TPCP 5 năm	1.4%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	27.6	HPG	-202.2
SBT	9.9	VRE	-100.0
HSG	7.8	MSN	-93.3
IMP	6.6	VHM	-86.1
DGW	6.1	GEX	-38.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_2.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	19/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	2.3%	3.2%	3.2%	-2.9%	9.2%	-16.5%	38.1%
Lãi suất giảm	2.0%	5.4%	5.4%	3.4%	27.5%	23.6%	31.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.9%	6.0%	6.0%	4.4%	25.7%	26.6%	28.5%
Chiến tranh thương mại	1.9%	3.4%	3.4%	4.7%	28.6%	11.3%	30.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.9%	1.5%	1.5%	0.2%	15.4%	2.1%	24.6%
Stay-at-home	1.8%	5.3%	5.3%	3.4%	25.0%	30.8%	32.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.7%	4.0%	4.0%	7.2%	26.1%	18.4%	30.2%
Corona Avengers	1.5%	3.9%	3.9%	1.8%	18.8%	14.5%	33.7%
EVFTA	1.3%	2.7%	2.7%	0.6%	1.6%	1.6%	17.0%
Vật liệu Xây dựng	1.1%	1.4%	1.4%	4.4%	25.3%	22.3%	28.1%
Đầu tư công	1.0%	3.4%	3.4%	1.8%	27.1%	19.9%	25.1%
VN FinSelect	1.0%	3.2%	3.2%	3.1%	16.7%	4.1%	29.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.9%	3.2%	3.2%	2.9%	17.1%	4.2%	31.1%
Hàng tiêu dùng	0.9%	3.0%	3.0%	9.6%	29.7%	19.0%	28.7%
Ngân Hàng	0.9%	3.4%	3.4%	7.4%	29.9%	18.6%	32.9%
Nước & Năng lượng	0.9%	1.6%	1.6%	-1.9%	13.7%	2.3%	25.3%
VN Diamond	0.7%	2.9%	2.9%	4.7%	20.5%	-0.9%	30.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.7%	2.3%	2.3%	5.3%	24.0%	4.8%	29.4%
Xây dựng	0.6%	3.5%	3.5%	1.2%	24.1%	14.8%	30.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.5%	2.5%	2.5%	6.6%	23.1%	-1.2%	31.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	1.4%	1.4%	7.4%	25.5%	11.4%	26.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	0.4%	0.4%	6.4%	16.2%	0.6%	24.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	1.2%	1.2%	3.8%	19.8%	5.0%	27.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	1.7%	1.7%	0.5%	19.6%	22.2%	21.1%
FTSE Việt Nam	0.0%	-0.2%	-0.2%	4.1%	13.8%	1.5%	24.9%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.4%	0.6%	0.6%	1.4%	15.8%	6.1%	21.0%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	1.1%	2.8%	2.8%	5.5%	25.2%	8.7%	30.2%
S32	0.9%	3.5%	3.5%	8.2%	26.1%	2.2%	33.3%
S21	0.7%	1.9%	1.9%	3.2%	24.9%	8.0%	27.4%
L32	0.6%	2.0%	2.0%	10.5%	26.7%	2.3%	30.4%
S11	0.5%	2.3%	2.3%	6.0%	24.5%	23.6%	25.4%
M12	0.4%	2.1%	2.1%	5.2%	17.7%	4.9%	25.3%
L22	0.3%	1.8%	1.8%	2.3%	22.2%	3.7%	27.5%
M22	0.2%	1.9%	1.9%	3.6%	17.9%	11.7%	25.6%
L11	0.1%	0.8%	0.8%	1.8%	17.5%	4.3%	24.2%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.6%	2.3%	2.3%	4.4%	25.4%	21.0%	25.3%
LOW1	0.5%	1.5%	1.5%	2.4%	14.2%	2.5%	25.3%
HIGH3	0.5%	2.0%	2.0%	6.0%	22.5%	6.3%	28.3%

INDEX							
VNINDEX	0.5%	1.5%	1.5%	3.8%	13.9%	-2.2%	24.1%
VN30INDEX	0.4%	1.4%	1.4%	5.5%	17.5%	3.0%	25.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	19	7	19	7	19	7
Mục tiêu	9	5	4	8	1	8	1
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
kanhvhq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 04/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.65	2.63%	3.40%	-2.20%	-28.01%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.67	2.42%	2.60%	-2.70%	-30.36%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	109.15	1.36%	2.60%	-6.10%	-27.80%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1897.02	-0.64%	1.10%	-0.90%	28.92%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.80	-1.74%	1.80%	-2.40%	39.65%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1064.50	0.02%	0.90%	3.90%	9.24%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	603.50	-0.74%	-0.90%	3.30%	10.33%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.95	0.38%	4.40%	21.50%	37.56%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	202.95	-7.56%	-16.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.72	-1.67%	-0.70%	8.60%	8.39%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	103.45	0.63%	-3.30%	-5.00%	-10.74%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6816.00	0.80%	0.30%	4.00%	14.75%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	557.57	0.20%	3.00%	7.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	579.60	0.09%	1.80%	7.80%			
Nhôm	USD/ton	1905.50	2.12%	4.60%	7.80%	5.22%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.26	-0.23%	2.80%	5.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	60.90	0.50%	1.50%	-1.50%	-18.58%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 74 US cent tương đương 1.9% lên 39.71 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 85 US cent tương đương 2.3% lên 37.66 USD/thùng.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,907.96 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 0.9% lên 1,910.4 USD/ounce.
• Giá vàng được hậu thuẫn bởi đồng USD giảm, khi các nhà đầu tư đặt cược vào chiến thắng của Biden, người có khả năng đưa ra biện pháp kích thích lớn hơn đối với nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi virus corona.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên giảm 1.3% xuống 787 CNY/tấn sau 5 phiên tăng liên tiếp. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn Singapore giảm 1.6% xuống 112.71 USD/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây không thay đổi, giá thép cuộn cán nóng giảm 0.2%.
• Tồn trữ quặng sắt nhập khẩu tại các cảng của Trung Quốc tính đến ngày 30/10/2020 tăng tuần thứ 6 liên tiếp lên 128.95 triệu tấn, cao nhất kể từ giữa tháng 2/2020, công ty tư vấn SteelHome cho biết.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 0.65 US cent tương đương 0.6% lên 1.0345 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London giảm 15 USD tương đương 1.1% xuống 1,327 USD/tấn. Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) ước tính dư thừa cà phê toàn cầu niên vụ 2019/20 đạt 1.24 triệu bao (60 kg), giảm nhẹ so với ước tính trước đó (1.54 triệu bao).
• Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.25 US cent xuống 14.72 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London giảm 5.3 USD xuống 396.8 USD/tấn.

	4/11	% 4/11	3/11	% 3/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	939.76	0.47%	935.41	0.19%	2.03%	2.74%
S&P 500			3369.16	1.78%	-0.63%	0.62%
HĐTL S&P500	3363.25	0.05%	3361.50	1.85%	3.06%	-0.88%
Shang- hai	3277.44	0.19%	3271.07	1.42%	0.25%	1.80%
Euro Stoxx	3066.04	-1.05%	3098.72	2.62%	3.46%	-4.79%

Phân tích kỹ thuật

PWA_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: PWA vẫn đang ở trong xu hướng đi ngang tích lũy quanh mệnh giá 10 sau khi có sự điều chỉnh vào giữa tháng 9. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây đang có chiều hướng giảm dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo RSI đang ở trên ngưỡng trung lập nên cổ phiếu có thể thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của PWA nằm tại xung quanh giá 9.8. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 11.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 9.2 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

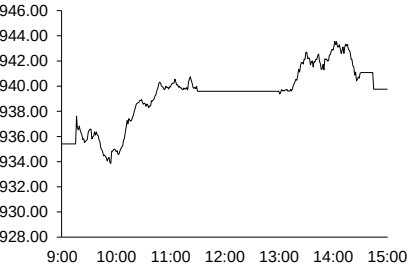
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-0.28%
Y tế	-0.25%
Bán lẻ	-0.06%
Bất động sản	-0.06%
Du lịch và Giải trí	0.25%
Thực phẩm và đồ uống	0.28%
Hóa chất	0.34%
Công nghệ Thông tin	0.39%
Ô tô và phụ tùng	0.48%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.63%
Xây dựng và Vật liệu	0.67%
Ngân hàng	0.77%
Truyền thông	0.86%
Bảo hiểm	0.93%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.02%
Dịch vụ tài chính	1.16%
Dầu khí	1.20%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.93%
Viễn thông	7.04%

Hình 1

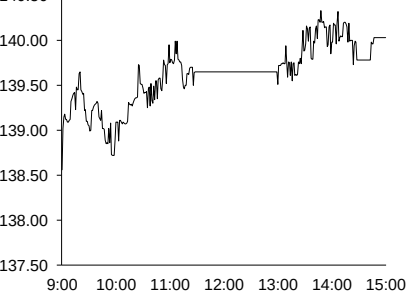
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	15.5	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	24.8	2	1.22%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	106.8	5	2.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/29/2020	IMP	49	58	46	49.45	6	0.92%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	42.2	48	38	42.1	7	-0.24%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.3	8	0.00%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24.1	13	-2.03%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	48.5	14	5.43%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	25	15	-0.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	53	19	-0.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	63.1	20	2.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15.35	34	0.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	108	36	-1.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	10.8	40	-4.85%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.2	43	-2.18%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	13.9	44	0.36%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	53.3	48	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	26.8	51	1.17%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.1	54	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.65	55	-0.63%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	23.9	69	-5.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.6	86	-1.80%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	36.85	133	20.07%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	75.9	141	1.34%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt(**) Tiệm cận giá mục tiêu

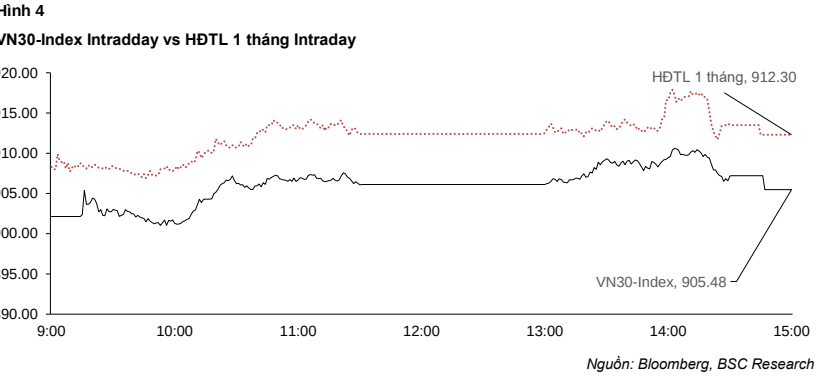
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	SL	14	-4.17%
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	SL	23	-4.18%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	SL	18	-3.18%
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	SL	30	-5.41%
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	SL	36	-6.29%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhấtTP - Đã chốt lờiSL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	14	10	2.50%	-1.93%	0.65%	39
Cổ phiếu đã chốt	47	35	12.26%	-7.57%	3.79%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	912.30	0.44%	6.82	7.2%	125,832	11/19/2020	17
VN30F2012	909.30	0.43%	3.82	45.7%	542	12/17/2020	45
VN30F2103	908.80	0.60%	3.32	11.4%	39	3/18/2021	136
VN30F2106	907.10	0.25%	1.62	-55.9%	26	6/17/2021	227

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +3.34 điểm, lên 905.48 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HDB, VPB, TCB, MBB, CTG tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch tăng tích cực lên quanh 910 điểm, trước khi thu hẹp biên độ tăng về cuối phiên xuống quanh 905 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 900-910 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC2006	6/11/2021	219	20:1	1,061,560	29.11%	1,000	850	8.97%	419	2.03	131,111	111,111	105,500
CVRE2012	4/1/2021	148	4:1	993,240	43.30%	1,300	890	8.54%	706	1.26	31,700	26,500	25,950
CVNM2004	11/30/2020	26	1.74:1	83,820	32.20%	17,500	17,310	6.79%	820	21.10	113,048	95,548	108,000
CHPG2023	1/12/2021	69	1:1	189,120	37.51%	2,100	3,750	2.74%	3,351	1.12	30,600	28,500	30,650
CSTB2004	11/30/2020	26	1:1	244,320	45.32%	1,400	2,730	2.63%	2,708	1.01	12,400	11,000	13,650
CMBB2007	1/14/2021	71	1.74:1	309,510	35.64%	1,400	2,300	2.22%	1,044	2.20	17,217	14,783	18,450
CVNM2011	6/11/2021	219	16.4:1	998,870	32.20%	1,100	1,040	0.97%	199	5.22	127,438	109,387	108,000
CHPG2012	1/18/2021	75	1:1	146,660	37.51%	6,100	11,740	0.77%	4,879	2.41	32,600	26,500	30,650
CHPG2008	11/30/2020	26	1:1	89,250	37.51%	4,100	9,800	0.62%	3,019	3.25	32,100	28,000	30,650
CHPG2019	12/18/2020	44	2:1	453,040	37.51%	1,630	3,550	0.00%	3,364	1.06	27,360	24,100	30,650
CSTB2010	6/11/2021	219	2:1	477,420	45.32%	1,100	1,670	0.00%	1,465	1.14	14,199	11,999	13,650
CTCB2010	4/1/2021	148	2:1	391,370	38.99%	2,000	1,700	0.00%	1,354	1.26	25,500	21,500	22,150
CVNM2009	11/20/2020	16	8:1	226,960	32.20%	1,810	2,700	0.00%	491	5.50	102,436	87,780	108,000
CHPG2020	6/30/2021	238	3:1	214,830	37.51%	5,700	7,800	-0.38%	6,753	1.16	31,700	26,000	30,650
CHPG2014	4/19/2021	166	1:1	108,270	37.51%	7,200	12,420	-0.64%	5,800	2.14	33,700	26,500	30,650
CHPG2016	1/14/2021	71	2:1	372,500	37.51%	2,200	5,260	-0.75%	2,036	2.58	31,900	27,500	30,650
CHPG2022	5/4/2021	181	2:1	256,880	37.51%	2,100	3,240	-0.92%	2,802	1.16	31,200	27,000	30,650
CVIC2005	6/11/2021	219	10:1	460,440	35.98%	1,500	1,730	-3.89%	1,131	1.53	121,868	106,868	103,500
CMWG2010	1/14/2021	71	10:1	1,038,330	42.14%	1,400	2,740	-5.52%	2,609	1.05	94,672	80,865	106,800
CTCB2009	3/30/2021	146	1:1	232,960	38.99%	4,400	3,050	-12.86%	2,440	1.25	26,400	22,000	22,150
Tổng				8,349,350	37.57%**								
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 04/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

- CHDB2007 và CSTB2008 tăng mạnh lần lượt là 14.84% và 12.50%. Trái lại, CVHM2002 và CTCB2009 giảm mạnh lần lượt là -19.44% và -12.86%. Giá trị giao dịch giảm -33.94%. CMWG2010 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.13% thị trường.
- CMSN2012, CVPB2006, CMSN2008, CVPB2009, và CSTB2004 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HDB	25.20	3.49	0.95
VPB	24.20	1.04	0.54
TCB	22.15	0.68	0.47
MBB	18.45	1.10	0.42
CTG	30.60	1.32	0.38

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	103.5	-0.86	-0.71
MWG	106.8	-0.37	-0.15
HPG	30.7	-0.16	-0.12
EIB	17.3	-0.29	-0.07
REE	41.9	-0.71	-0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	106.8	-0.4%	1.2	2,102	2.5	8,517	12.5	3.2	49.0%	29.0%	
PNJ	Bán lẻ	71.7	1.0%	1.2	702	2.9	4,592	15.6	3.3	49.0%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	52.6	1.2%	1.5	1,698	1.6	1,731	30.4	1.9	28.4%	7.1%	
PVI	Bảo hiểm	29.2	0.7%	0.3	284	0.0	2,729	10.7	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	103.5	-0.9%	0.8	15,221	2.2	2,660	38.9	4.1	13.8%	11.0%	
VRE	Bất động sản	26.0	1.6%	1.1	2,564	7.2	1,001	25.9	2.1	30.1%	8.1%	
VHM	Bất động sản	75.9	0.1%	1.2	10,855	6.0	6,895	11.0	3.3	21.9%	35.4%	
DXG	Bất động sản	12.4	4.7%	1.4	278	5.7	(151)	N/A	N/A	1.0	36.2%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.5	0.9%	1.3	457	3.5	1,834	9.5	1.1	50.0%	11.5%	
VCI	Chứng khoán	38.9	2.2%	1.0	280	1.6	3,770	10.3	1.6	27.0%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	21.9	0.7%	1.6	290	1.8	1,705	12.8	1.5	48.6%	11.8%	
FPT	Công nghệ	53.0	0.4%	0.8	1,806	3.2	4,236	12.5	2.8	49.0%	23.1%	
FOX	Công nghệ	50.1	0.2%	0.4	596	0.0	4,812	10.4	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	71.9	2.4%	1.4	5,983	1.8	4,752	15.1	2.9	3.0%	19.7%	
PLX	Dầu khí	48.8	1.0%	1.5	2,586	0.4	682	71.6	2.9	16.0%	4.3%	
PVS	Dầu khí	13.6	1.5%	1.5	283	2.4	1,621	8.4	0.5	10.0%	6.3%	
BSR	Dầu khí	6.9	1.5%	0.8	930	0.3	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	103.0	-1.0%	0.5	586	0.0	5,405	19.1	4.0	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	17.0	0.0%	0.4	289	0.8	2,011	8.5	0.8	12.1%	10.4%	
DCM	Hóa chất	12.6	0.0%	0.5	290	1.3	872	14.4	1.0	3.7%	7.4%	
VCB	Ngân hàng	85.0	0.0%	1.1	13,707	1.5	4,630	18.4	3.4	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	39.8	0.9%	1.3	6,951	1.9	4,359	9.1	2.0	17.4%	12.5%	
CTG	Ngân hàng	30.6	1.3%	1.2	4,954	9.5	2,948	10.4	1.4	29.4%	14.0%	
VPB	Ngân hàng	24.2	1.0%	1.2	2,565	4.3	4,111	5.9	1.2	23.2%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	18.5	1.1%	1.1	2,225	3.8	2,995	6.2	1.1	23.0%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	25.5	2.0%	0.9	2,397	13.9	3,109	8.2	1.7	30.0%	23.0%	
BMP	Nhựa	54.2	0.7%	0.8	193	0.4	6,186	8.8	1.9	81.1%	20.7%	
NTP	Nhựa	33.6	0.0%	0.4	172	0.0	3,820	8.8	1.5	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	15.7	-1.3%	0.4	675	0.1	356	44.1	1.2	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	30.7	-0.2%	1.2	4,415	24.4	3,241	9.5	1.9	34.1%	21.3%	
HSG	Thép	16.5	-0.3%	1.5	318	7.5	2,591	6.3	1.1	9.5%	19.1%	
VNM	Tiêu dùng	108.0	0.3%	0.8	9,812	6.3	4,784	22.6	7.7	58.0%	35.3%	
SAB	Tiêu dùng	185.5	0.0%	0.8	5,172	0.5	6,312	29.4	6.0	63.1%	22.6%	
MSN	Tiêu dùng	84.2	0.2%	1.1	4,300	7.4	2,067	40.7	4.8	35.3%	8.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.4	0.0%	0.9	392	2.1	702	21.9	1.3	5.5%	5.5%	
ACV	Vận tải	63.1	0.5%	0.8	5,973	0.3	3,450	18.3	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	105.5	0.0%	1.1	2,403	2.6	(1,528)	N/A	N/A	4.0	17.4%	-5.6%
HVN	Vận tải	25.3	1.0%	1.7	1,557	0.3	(7,345)	N/A	N/A	5.3	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	23.7	2.2%	0.9	305	0.5	1,179	20.1	1.2	49.0%	5.8%	
PVT	Vận tải	13.9	3.7%	1.2	170	2.0	1,966	7.1	0.8	17.5%	12.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	73.9	2.2%	1.0	499	0.6	8,260	8.9	3.5	2.8%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.7	448	0.1	1,411	16.3	1.6	7.7%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	1.6%	0.9	263	0.6	1,762	9.0	1.1	5.9%	11.9%	
CTD	Xây dựng	55.9	0.0%	1.0	185	1.0	7,504	7.4	0.5	46.6%	6.9%	
CII	Xây dựng	17.0	0.9%	0.3	176	0.7	114	148.5	0.8	32.2%	0.5%	
REE	Điện	41.9	-0.7%	-1.4	565	0.5	4,599	9.1	1.2	49.0%	13.7%	
PC1	Điện	22.7	0.2%	-0.4	157	0.2	2,689	8.4	1.0	14.3%	9.9%	
POW	Điện	9.8	1.4%	0.6	1,002	2.3	679	14.5	0.8	9.8%	5.8%	
NT2	Điện	22.6	0.4%	0.6	283	0.0	2,103	10.7	1.6	19.3%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	13.9	1.5%	0.8	284	0.7	879	15.8	0.7	18.2%	4.4%	
BCM	Khu công nghiệp	39.5	0%	1.0	1,775	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.7	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	71.90	2.42	0.91	577270
CTG	30.60	1.32	0.42	7.15MLN
BID	39.75	0.89	0.40	1.08MLN
HDB	25.20	3.49	0.30	5.03MLN
VRE	25.95	1.57	0.26	6.34MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.86	495340	1.11MLN
PDR	0.00	-0.14	2.19MLN	607060
MWG	0.00	-0.05	531610.00	373600
HPG	0.00	-0.05	18.29MLN	192700
DHG	0.00	-0.04	2470	611640

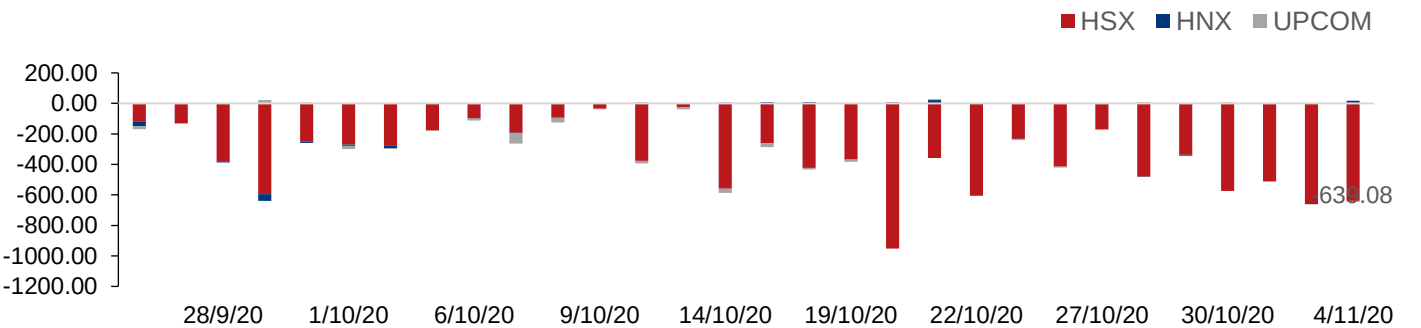
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTL	15.30	6.99	0.00	2010.00
YBM	5.37	6.97	0.00	37380
VAF	9.21	6.97	0.01	80
HRC	43.80	6.96	0.02	10
HUB	26.20	6.94	0.01	202790

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	4.66	-6.99	0.00	400
EVE	9.97	-6.82	-0.01	16130
GTA	11.35	-6.58	0.00	320.00
CIG	1.73	-6.49	0.00	3890
HU3	7.32	-6.39	0.00	2100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	106.8	8,517	12.5	3.2	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.6	885	9.7	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.6	5,130	8.3	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.3	2,066	11.8	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	30.7	3,241	9.5	1.9	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.1	2,627	10.3	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.2	4,111	5.9	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.9	13,673	3.1	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	84.2	2,067	40.7	4.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	41.8	5,316	7.9	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	16.5	2,591	6.3	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.6	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	25.8	1,816	14.2	2.1	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	30.7	3,241	9.5	1.9	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.2	3,258	6.8	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	71.7	4,592	15.6	3.3	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	108.0	4,105	26.3	9.3	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	12.4	-151	#N/A N/A	1.0	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	22.8	1,928	11.8	1.4	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.1	6,870	3.5	1.2	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.9	4,752	5.9	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	60.5	5,241	11.5	2.5	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	85.0	4,630	18.4	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.5	3,109	8.2	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	42.6	5,130	8.3	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.0	3,674	15.8	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	53.0	4,236	12.5	2.8	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.7	1,179	20.1	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.9	879	15.8	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	185.5	6,312	29.4	6.0	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.3	2,066	11.8	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	108.0	4,784	22.6	7.7	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.2	1,412	7.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	106.8	8,517	12.5	3.2	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.7	1,918	10.3	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.0	5,405	19.1	4.0	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.9	1,966	7.1	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	71.7	4,592	15.6	3.3	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	31.6	4,313	7.3	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	243.9	14,782	16.5	6.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		X	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		X	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		X	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		X	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		X	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		X	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		X	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639